

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-01-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Liêu Văn Lộc

2. Ông: Bùi Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Nhật T, sinh năm 1989; Địa chỉ: tổ 01, ấp PI, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.(có mặt)

2. *Bị đơn:* Huỳnh Thị Tr, sinh năm 1989; Địa chỉ: tổ 03, ấp H, xã T, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 24/12/2020, quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Nhật T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Huỳnh Thị Tr sống chung như vợ chồng từ năm 2004, kết hôn năm 2009, hôn nhân do tự tìm hiểu, không tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 14/10/2009 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà Tr có quan hệ với người đàn ông khác nên vợ chồng ông xảy ra bất hòa, hai người không sống chung từ thời gian đó đến nay. Hiện

nay ông không còn tình cảm với bà Tr nên yêu cầu được ly hôn với bà Tr.

- Về con chung: có hai con chung tên Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 04/5/2006 và Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 13/12/2007. Hiện con chung đang do bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng, ông T đồng ý để bà Tr tiếp tục nuôi con chung, ông không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn bà Huỳnh Thị Tr nhưng bà Tr đều vắng mặt không có lý do, đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án tiến hành các thủ tục xác minh, lấy lời khai nhưng bị đơn không có mặt tại nhà khi Thẩm phán và Thư ký Tòa án đến, nên không lấy được lời khai của bị đơn.

* Hai cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 04/5/2006 và Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 13/12/2007 không có văn bản trình bày nguyện vọng. Tòa án đã tiến hành các thủ tục lấy lời khai nhưng các cháu không có mặt tại nhà khi Thẩm phán và Thư ký Tòa án đến, nên không lấy được lời khai của hai cháu.

* Tại phiên tòa:

- Ông Nguyễn Nhật T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn bà Huỳnh Thị Tr, đồng ý để bà Tr tiếp tục nuôi con chung, ông không cấp dưỡng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Quan hệ tranh chấp: Tranh chấp giữa ông Nguyễn Nhật T và bà Huỳnh Thị Tr là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2 Thẩm quyền giải quyết: Tại biên bản xác minh hộ khẩu ngày 28/12/2021 của Công an xã T, huyện C, tỉnh An Giang xác định bà Huỳnh Thị Tr đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp H, xã T, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn bà Huỳnh Thị Tr đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều

227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: ông Nguyễn Nhựt T và bà Huỳnh Thị Tr kết hôn năm 2009, hôn nhân do tự tìm hiểu, không tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 14/10/2009 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện cho ông T và bà Tr được đoàn tụ, nhưng ông T cương quyết ly hôn, bà Tr đều vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, điều này chứng tỏ bà Tr cũng không có nguyện vọng được đoàn tụ với ông T. Như vậy hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T.

2.2 Về con chung: ông Nguyễn Nhựt T và bà Huỳnh Thị Tr có hai con chung tên Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 04/5/2006 và Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 13/12/2007 hiện đang do bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa cũng như quá trình tố tụng ông T có ý kiến đồng ý để bà Tr được tiếp tục nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay hai cháu N và H còn nhỏ, để tránh làm xáo trộn đời sống, ảnh hưởng đến việc học của hai cháu nên căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T để bà Tr được tiếp tục nuôi con chung.

2.3 Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Nhựt T có ý kiến trình bày không cấp dưỡng nuôi con chung, bà Huỳnh Thị Tr không có văn bản yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét buộc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng.

2.4 Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: ông T là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Nhật T.

1. *Về hôn nhân*: ông Nguyễn Nhật T được ly hôn bà Huỳnh Thị Tr.

Giấy chứng nhận kết hôn số 193 ngày 14/10/2009 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. *Về con chung*: Bà Huỳnh Thị Tr được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 04/5/2006 và Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 13/12/2007.

Ông Nguyễn Nhật T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí sơ thẩm*: Ông Nguyễn Nhật T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007487 ngày 25/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. *Quyền kháng cáo*: Ông Nguyễn Nhật T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/01/2022), bà Huỳnh Thị Tr được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Hữu Phúc